

# Thần và Quỷ

NGUYỄN DUY HINH<sup>(\*)</sup>

**T**hần và Quỷ là hai phạm trù đối ứng nhau trong tín ngưỡng của toàn nhân loại. Mỗi dân tộc mỗi ngôn ngữ diễn đạt khác nhau. Trong bài viết này tôi chỉ đề cập đến Thần và Quỷ trong tín ngưỡng phương Đông trực tiếp ảnh hưởng đến tín ngưỡng nước ta mà thôi.

Trong tín ngưỡng tôn giáo nước ta các khái niệm Thần, Thánh, Tiên, Phật, Ma, Quỷ đều là chữ Hán, mỗi chữ có một lịch sử ngữ nghĩa riêng biệt như những phạm trù tôn giáo tín ngưỡng khác nhau có nội hàm liên quan nhau. Thần, Thánh, Tiên, Phật là những khái niệm đồng đẳng chỉ những hình thái khác nhau của cái tích cực, biểu tượng cho ước vọng đẹp của con Người. Ma, Quỷ thì trái lại biểu hiện mặt tiêu cực chống đối con Người. Đó là nói theo quan niệm hiện nay. Trong bài này chỉ bàn về Thần, Quỷ, Ma tuy có đề cập đến các khái niệm khác.

Thần là gì? Quỷ là gì? Ma là gì?

## THẦN

*Chu lễ. Xuân quan đại tự nhạc.* “Dĩ tự thiên thần” (để tế lễ thiên thần).

Người đời sau chú giải là tế Ngũ Đế, mặt trời, mặt trăng, tinh tú và cũng chỉ cả linh hồn người chết. Cách giải thích đó không đúng. *Chu Lễ* chia ra Lục nhạc tức 6 chế độ âm nhạc ca múa dùng cho 6

đối tượng tế lễ khác nhau. Một là Thiên thần, hai là Địa thị (Địa kì), ba là Tứ vọng, bốn là Sơn xuyên, năm là Tiên tử, sáu là Tiên tổ<sup>(1)</sup>. Như vậy tế Thiên thần là tế Thiên tức tế Trời. Còn tế Địa thị là tế Đất; tế Tứ vọng là tế bốn phương đông tây nam bắc; tế Sơn xuyên là tế sông núi thuộc về mặt đất; tế Tiên tử, tế Tiên tổ là tế Bà Tổ và Ông Tổ tức tế linh hồn người chết. Cho nên trong chương này đã khái quát chung là tế Quỷ Thần. Quỷ là linh hồn người chết. Tế Quỷ là thờ cúng tổ tiên của người thời Ân Thương. Thần trong *Chu Lễ* chỉ thờ Thiên, hiện tượng thiêng chưa nhân cách hoá. Thần tức cúng tế đã có một đối tượng cụ thể là Thiên nên hình thành cụm từ Thiên thần. Thiên thần đã là một danh từ kép chỉ đối tượng thờ cúng là Thiên, đã mang tính chất phân loại các cái Thiêng mà con người sùng kính. Nhưng đó là một xu hướng diễn biến của thuật ngữ Thần. Còn một số xu hướng khác xuất hiện cùng với tư tưởng âm dương thời Chiến Quốc.

*Chu Dịch. Hệ Từ thượng* đưa ra định nghĩa: “âm dương bất trắc chi vị thần” (Thần là sự biến hoá khôn lường của âm dương).

Bản thân *Dịch Kinh* không có chữ Thần, cũng không có chữ âm, dương. Chỉ

\*. PGS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. *Thập Tam Kinh*, Nxb. Yên Sơn Bắc Kinh, 1991, tr. 445.

trong *Dịch Truyện* mới có hơn 30 chữ Thần mà câu dẫn trên là nổi tiếng nhất. *Dịch Truyện* là lời chú giải của người thời Chiến Quốc khi lí thuyết âm dương ra đời mà người ta cho là của Trâu Diễn. Định nghĩa Thần của *Dịch Truyện* đã thoát li khỏi ý nghĩa ban đầu của Thiên, lúc này Thiên đã mang ý nghĩa âm dương biến hoá tức sự biến hoá khôn lường của vạn vật, nhưng chưa nhân cách hoá. Thần của *Dịch Truyện* chỉ sự biến hoá của hai Khí âm dương, thuộc phạm trù Khí. Khí là một khái niệm trừu tượng chỉ bản thể chứ không phải là hơi nước hay không khí như hiện nay thường hiểu. *Dịch Truyện* đã dung hợp Thiên với Khí và Khí với âm dương. Thần là biểu hiện vô hình mà hiện thực của âm dương biến hoá tức của bản thể vũ trụ, được xem như là một quy luật vận động của bản thể. Đây là một vấn đề lớn trong lịch sử triết học cổ đại Trung Hoa mà mỗi hệ tư tưởng Nho, Thích, Đạo, mỗi nhà nghiên cứu cổ kim đưa ra một cách giải thích khác nhau. Gần đây Trương Lập Văn chủ biên một loạt phạm trù triết học đưa ra những cách lí giải khác lí giải truyền thống có tính chất tập đại thành. Nhưng ở đây tôi chỉ nghiên cứu về khái niệm Thần trên đại cương.

Và cũng thời này *Trang Tử* đưa ra thuật ngữ “thần nhân”: “Điều Cô Xạ chi sơn hữu thần nhân cư yên, cơ phu nhược băng tuyết, xước ước nhược xử nữ, bất thực ngũ cốc, hấp phong ẩm lộ, thừa vân khí, ngự phi long, nhi du hồ tứ hải chi xứ. Kì thần ngưng, sử vật bất tì lệ nhi niên cốc thực...” (Trên núi Điều Cô Xạ có thần nhân cư trú, da thịt như băng tuyết, yếu điệu như xử nữ, không ăn ngũ cốc, hợp gió uống sương, cỡi mây cỡi rồng

đạo chơi bốn biển. Thần đó ngưng tụ khiến cho vạn vật không bị bệnh tật mà ngũ cốc được mùa).

Trong *Trang Tử* còn nhiều đoạn văn có chữ “thần nhân”. Tư tưởng “Thần” cơ bản của *Trang Tử* tuy cũng xuất phát từ thuyết âm dương, nhưng đã nhân cách hoá. Thần nhân là người thần, người mà chỉ hô hấp không ăn ngũ cốc mà trường sinh bất tử lại bay trên mây đi khắp bốn phương. Đó là tiên thân của khái niệm thần tiên Đạo giáo sau này. Thần ở đây chỉ một con người xác thịt nhưng nhờ biện pháp dưỡng sinh độc đáo mà có phép thần thông di mây về gió trường sinh bất tử, cũng là một cách cụ thể hoá tư tưởng âm dương biến hoá thần diệu. Thần đã nhân cách hoá và trở thành một quyền năng siêu nhiên cụ thể của một loại người đặc biệt.

*Tuân Tử. Thiên luận*: “Thiên chức dĩ lập, thiên công dĩ thành, hình cụ nhi thần sinh”. Nghĩa là: Thiên chức của trời là sáng tạo ra con người. Khi đã sáng tạo xong hình thể con người thì thần mới sinh ra.

Về sau nhiều tác phẩm khác tiếp tục phát huy tư tưởng thiên địa tạo tác ra con người và phú cho “thần” là phần vô hình của con người. Thần là một thành tố cấu tạo con người. *Thần vô hình và Hình hữu hình*. Tư tưởng này của Tuân Tử khác với tư tưởng Trang Tử về thần nhân. Ông cho rằng Thần là cái trời phú chứ không phải kết quả tu luyện. Thần ở Tuân Tử tương đương Hồn mà Hình là Xác.

Đến năm 100 Công nguyên, Hứa Thận viết *Thuyết văn giải tự* (gọi tắt *Thuyết văn*) đã giải thích chữ Thần ( 神 ):

“Thân, thiên thân dẫn xuất vạn vật giả dã” (Thân là thiên thân từ đó ra vạn vật). Và giải thích riêng rẽ các bộ phận cấu thành của chữ Thân: “Thị, thiên thủy tượng, kiến hung cát, sở dĩ thị nhân dã. Tông Thượng; tam thủy, nhật nguyệt tinh dã. Quan hồ thiên văn, dĩ sát thời biến; thị, thần sự dã”. (Chữ Thị ( 𠄎\* ) có nghĩa là Thiên đưa ra hình tượng, hiện hung cát để biểu thị cho con người biết. Chữ Thị có bộ Thượng, ba nét rủ xuống là mặt trời, mặt trăng, tinh tú. Con người quan sát thiên văn để xét thời biến; Thị là thờ thần vậy). “Thân, thần dã, thất nguyệt âm khí thành, thể tự thân thúc”. (Chữ Thân ( 𠄎\* ) là Thân; tháng 7 âm khí hình thành, hình thể như một bó đuổi ra)<sup>(2)</sup>.

Hứa Thận đã chiết tự chữ Thân thành chữ Thị chỉ ý và chữ Thân chỉ âm. Bộ Thị còn đọc Kì. Kì có nghĩa là thờ cúng, tế lễ. Thị có nghĩa là biểu thị, chỉ thị. Đó là hai ý của cùng một gốc mà Hứa Thận giải thích như sau. Hai nét trên đầu ( 𠄎 ) là chữ Thượng (phía trên) cổ đã thấy trong văn Giáp cốt. Ba nét rủ xuống bên dưới ( 𠄎 ) là mặt trời, mặt trăng và tinh tú tức các biểu tượng của Thiên đưa ra để biểu thị cho con người biết cát hung. Con người xem thiên văn tức xem hình thái của mặt trời, mặt trăng, tinh tú mà lí giải các sự biến cố của thời điểm đó tức để biết cát hung mà ứng xử. Thị là thờ thần. Cho nên chữ Thị có hai nghĩa biểu thị thì đọc Thị, thờ thần thì đọc Kì. Chữ Thị sau biến thành bộ Thị ( 𠄎\* ) cấu tạo những chữ có ý nghĩa tín ngưỡng tôn giáo như Xà, Kì, Tự, Tổ, Tộ, Chúc, Hoạ, Phúc, Từ, Lễ, Thân... rồi dần dần phát triển ra xa. Còn chữ Thân ( 𠄎\* ) phân bên phải chữ Thân thì Hứa Thận

giải thích là Thân vì tháng 7 âm khí bốc lên đuổi ra (thân) như một bó. Có nghĩa là âm khí bốc lên như một bó “khí” tạo thành hình tượng chữ Thân và có nghĩa là “đuổi ra”, như vậy cũng có thể hiểu Thân là âm đọc của chữ Thân mà Thân cũng là Thân chỉ âm khí bốc lên. Sau này ông Trương Thuấn Huy giải thích chữ Thân là chữ Điện ( 𠄎 ) cổ theo Kim văn và văn Giáp cốt và cho là tia chớp làm cho con người sợ hãi nên thờ cúng.

Như vậy Hứa Thận đã dùng cả tư tưởng thờ Thiên, tư tưởng âm dương và cả *Dịch Truyện* để giải thích chữ Thân. Nhưng cơ bản Thân vẫn chưa có hình tượng cụ thể nhân cách hoá.

Đến khi Đạo giáo ra đời thì trong *Thái Bình Kinh, Hoàng Đình Kinh, Vân Cáp Thất Thiêm...* có tư tưởng thân thân, cho rằng mỗi bộ phận cơ thể đều có một vị thần chủ quản chức năng đó. Mỗi kinh có danh sách các vị thần chức năng với tên gọi khác nhau ít nhiều. Như *Hoàng Đình Kinh* thì gọi Não thần là Tinh Căn tự là Nê Hoàn; Tâm thần là Đan Nguyên tự Thủ Linh... Còn *Vân Cáp Thất Thiêm* thì gọi Não thần là Giác Nguyên tự là Đạo Đô, Tâm thần là Hoán Dương Xương tự là Đạo Minh và còn miêu tả mỗi vị thần cao mấy xích y phục như thế nào. Thông thường có 24 vị thần thân nhưng cũng có kinh lại nói hàng vạn thân thần<sup>(3)</sup>. Thân thân là hình tượng hoá, nhân cách hoá chức năng của lục phủ

2. Dẫn theo: Dương Ngọc Đức (chủ biên). *Trung Hoa thân bí văn hoá*. Nxb. Hồ Nam 1993, tr. 346.

3. Xem: - *Đạo giáo đại từ điển*. Nxb. Hoa Hạ 1999, từ điều Nhị thập tứ thân.

- *Trung Quốc Đạo giáo sử*. Nhiệm Kế Dũ (chủ biên). Nxb Thượng Hải nhân dân, 1990, tr. 140.

ngũ tạng. Đó là một cách giải thích sự kì diệu công năng y học của cơ thể con người, là y học cổ truyền tôn giáo hoá. Thân thần quyết định sinh mệnh con người, đã thâm nhập vào lĩnh vực lí giải con người, là sự phát triển của tư tưởng Thần đối ứng với Hình.

Một tác phẩm chữ Hán thuộc thế kỉ II Công nguyên phản ánh tư tưởng Phật giáo Dâu - *Lí Hoặc Luận* của Mâu Tử, viết:

“- Vấn viết: Hà dĩ chính ngôn Phật, Phật vi hà vị hồ?”

Mâu Tử viết: Phật giả hiệu thụy dã, do danh Tam Hoàng thân, Ngũ Đế thánh dã. Phật nài đạo đức chi nguyên tổ, thần minh chi tôn tự. Phật chi ngôn, giác dã. Hoảng hốt biến hoá, phân thân tán thể, hoặc tồn hoặc vong, năng tiểu năng đại, năng viên năng phương, năng lão năng thiếu, năng ẩn năng chương, đạ hoả bất thiêu, lí nhận bất thương, tại ô bất nhục, tại hoạ vô ương dục hành tắc phi, toạ tắc dương quang. Cố hiệu vi Phật dã<sup>(4)</sup>. (-Hỏi: Phật là gì, sao lại gọi là Phật? Mâu Tử đáp: Phật là thụy hiệu, cũng giống như Tam Hoàng thân, Ngũ Đế thánh. Phật là nguyên tổ của đạo đức, là đầu mối của thần minh. Phật nghĩa là Giác. Biến hoá khôn lường, phân thân tán thể, hoặc còn hoặc mất, có thể nhỏ có thể lớn, có thể tròn có thể vuông, có thể già có thể trẻ, có thể ẩn có thể hiện, đạ lửa không bỏng, đi trên dao không bị thương, vào chỗ dơ mà không bẩn, gặp hoạ mà không bị hại, muốn đi thì bay, ngồi thì toả sáng. Cho nên gọi là Phật).

Phật được coi là Thần, thần thông biến hoá khôn lường theo ý nghĩa Thần thời Tiên Tần cho Thần là một sức mạnh

thiênêng đã nhân cách hoá với quyền năng biến hoá khôn lường. Phật là một dạng Thần cụ thể.

Chính định nghĩa “thần” thời Tiên Tần đó đã du nhập vào nước ta cho nên nhiều nơi thờ Thành Hoàng chỉ viết một chữ THẦN. Và Thần hoà nhập với nhận thức về cái Thiêng, đối tượng thờ của người Việt đã có. Thiêng và Thờ là hai từ Việt đã được ghi lại bằng chữ Nôm. Ca dao còn ghi lại:

- *Chẳng thiêng ai gọi là thần*

*Lối ngang đường tắt chẳng gần ai đi.*

Thần hay thánh cũng là thần:

- *Miếu linh chẳng dám lại gần*

*Đứng xa mà khấn thánh thần chứng tri.*

Đó là một số tư liệu cơ bản về Thần và tín ngưỡng Thần của người Việt xuất phát từ ngôn ngữ Hán. Tuy nhiên cách lí giải các tư liệu quen thuộc trên tùy thuộc vào các hệ tư tưởng Nho, Thích, Đạo và tùy theo học giả, tùy theo trường hợp cụ thể, thời điểm cụ thể, không gian cụ thể mà khác nhau.

## QUÝ

*Thuyết Văn*, giải thích chữ Quý ( 𠂔 ): “Quý, nhân quy vi quý, tông Nhân, tượng quý đầu, tông Khư. Lục, quý phát dã, tượng hình. Uý, ác dã, quý đầu nhi hổ trảo, khả uý dã. Ngu, mẫu hầu, đầu tự quý. Tông Phật, tông Nhựt”.

Hứa Thận viết *Thuyết Văn giải tự* (gọi tắt là *Thuyết Văn*) vào năm 100 Công nguyên nên nhiều chữ lại phải tra cứu

4. *Mâu Tử Lí Hoặc Luận*. Xem: Nguyễn Duy Hinh. *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*. Nxb. KHXH, 1999, tr. 196.

sách mới hiểu. Ý nghĩa định nghĩa Quỷ như sau: Quỷ là con người chết thành quỷ, chữ Quỷ viết bộ Nhân (人) (người), hình tượng đầu quỷ; bên cạnh bộ Nhân lại viết bộ Tư (尸) (nay đọc Khư) có nghĩa là gian tà. Hay là bộ Lục (𠂇) (là chữ Giác cổ) có nghĩa là tóc quỷ; đó là tượng hình. Chữ Uy có nghĩa là sợ, đầu quỷ bên trên, mà vuốt hổ (bộ phan bên dưới chữ Diên của chữ Uy), cho nên đáng sợ. Chữ Ngu là một loại khỉ cái, đầu giống như quỷ, trên là bộ Phạt (𠂇) có nghĩa là đầu lâu, và bộ Nhự (𠂇) là vết chân con thú. Trình bày đơn giản thì Quỷ là: Quỷ chỉ con người chết thành Quỷ. Chữ quỷ là một chữ tượng hình, gồm có bộ Nhân, bộ Lục biểu tượng con người có sừng vì chữ Lục là chữ Giác cổ, Giác là cái sừng nên biểu tượng cho tóc Quỷ. Cùng một quan hệ với chữ quỷ có các chữ Uy, Ngu. Chữ Uy có hai bộ phận; bộ phận trên là đầu Quỷ, bộ phận dưới là hình tượng móng vuốt con hổ, vì vậy Uy có nghĩa là Sợ. Chữ Ngu cũng có hai bộ phận, bộ phận trên là cái đầu giống như quỷ nên là bộ Lục có nghĩa là đầu lâu; bộ phận dưới là bộ Nhự có nghĩa là vết chân con thú, cho nên chữ Ngu tượng hình một loài khỉ cái.

Qua cách giải thích của Hứa Thận có thể thấy Quỷ là linh hồn người chết được tượng hình một con người mà trên đầu có sừng và dễ sợ. Đó là ý nghĩa khái niệm Quỷ cho đến năm 100 Công nguyên.

Nhưng tư tưởng Quỷ chỉ linh hồn người chết xuất hiện sớm hơn: người Ân thờ Quỷ tức thờ cúng linh hồn tổ tiên.

Như vậy khái niệm Quỷ liên quan đến Hồn Phách. Vậy Hồn, Phách là gì? *Tả*

*Truyện, Chiêu Công thất niên* viết: “Nhân sinh thủy hoá viết Phách, kí sinh Phách; dương viết Hồn, dụng vật tinh da, tặc Hồn Phách cường”. Khổng Dĩnh Đạt chú giải: “Hồn Phách, thần linh chi danh, bản tông Hình Khí nhi hữu; Hình Khí kí thù, Hồn Phách các dị; Phụ Hình chi linh vi Phách, phụ Khí chi thần viết Hồn dã. Phụ Hình chi linh giả, vị sơ sinh chi thời, nhi mục tâm thức thủ túc vận động để hô vi thanh, thử tặc Phách chi linh dã; Phụ Khí chi thần giả, vị tinh thần tính thức tiệm sở tri, thử tặc phụ Khí chi thần dã”. Nghĩa là: Khi con người mới sinh ra thì có Phách, đã có Phách rồi thì biểu hiện dương là Hồn, nếu như vật rất tinh thì Hồn Phách mạnh. Khổng Dĩnh Đạt giải thích Hồn Phách là tên gọi của thần linh vốn từ Hình Khí mà có. Hình, Khí đã khác nhau thì Hồn, Phách mỗi cái cũng một khác. Cái linh phụ vào Hình thì gọi là Phách, cái thần phụ vào Khí là Hồn. Cái linh phụ vào Hình chỉ khi sơ sinh thì tai mắt tâm thức tay chân vận động kêu khóc thành tiếng, đó là cái linh của Phách. Cái thần phụ vào Khí chỉ tinh thần tính thức dần dần hiểu biết, đó là cái thần phụ vào Khí vậy.

Diễn đạt đơn giản là Phách điều khiển các chức năng như tai mắt tâm thức tay chân vận động nói năng. Đó là cái linh (thiên) phụ vào Hình tức Xác con người. Còn Hồn là cái phụ vào Khí khiến cho con người dần dần có tinh thần, tính thức. Đó là cái linh (thiên) phụ vào Khí. Như vậy Hồn Phách là hai cái linh có chức năng khác nhau. Ở đây Hồn Phách được giải thích theo lý luận Hình và Khí. Hình là phần vật chất; Khí là phần phi vật chất; Hình và Khí thống nhất thành

con người. Vấn đề Hồn Phách rất phức tạp mà tôi không định trình bày trong bài này. Hồn Phách đều là phi vật chất, hợp với vật chất tạo nên con người, khi con người chết thì Hồn Phách có còn tồn tại hay không là một vấn đề triết học lớn. Theo lịch sử triết học cổ Trung Quốc thì có nhiều lí luận khác nhau. Trong các lời dẫn trên đây chỉ đề cập đến Hình và Khí. Hình là phần vật chất, Khí là phần phi vật chất. Phách là cái bản năng tự nhiên con người điều tiết sinh mệnh con người. Hồn là Thần của con người tức là cái Thiêng biến hoá muôn màu muôn vẻ. Khi con người chết thì cả Hồn và Phách đều rời thân thể vật chất con người tức rời Xác, nhưng thông thường nói Hồn là Xác. Như vậy Hồn mới là chủ thể trong Khí. Nói chung trong triết học thường nói đến Hồn Phách là như vậy. Nhưng trong tín ngưỡng thì lại có 3 hồn 7 phách (vía) của đàn ông, 3 hồn 9 phách của đàn bà, phách có thể có liên hệ với thất khiếu, cửu khiếu<sup>(5)</sup> trong y học cổ Trung Quốc. Hồn Phách tương ứng với Quỷ, vì Hồn Phách đều liên quan đến Quỷ cho nên cả hai chữ đều viết bộ Quỷ. Và như trong câu “Nhân tử hồn phách vi Quỷ” dẫn trên thì khi con người chết Hồn Phách thành Quỷ. Cần có chuyên luận về Hồn Phách riêng theo những lí thuyết khác nhau trong tôn giáo tín ngưỡng cũng như triết học cổ Trung Quốc.

Như vậy Quỷ là hồn phách con người, hình tượng Quỷ là một dạng hình tượng con người có sừng .

*Luận Ngữ. Vi Chính:* “Phi kì Quỷ nhi tế chi, sàm dã!” (Không phải là linh hồn của tổ tiên mình mà cúng tế là làm bậy). *Thuyết Uyển* nói: “Tinh thần li hình nhi

các quy kì chân, cố vị chi quỷ, quỷ chi vi ngôn quy dã”. Như vậy giải thích Quỷ là tinh thần con người rời Hình thể mà trở về với Chân (bản thể), Quỷ là nói quy (quay về). Đây lại là một cách giải thích mang nặng tính liên tưởng nhưng cũng cơ sở trên thuyết Hình /Thần.

Về sau Quỷ phát triển thành tinh linh của vạn vật nói chung không còn chỉ riêng hồn phách con người nữa.

*Luận Hành. Đỉnh Quỷ* viết: “Quỷ giả, vật dã, dữ nhân vô dị. Thiên địa chi gian, hữu quỷ chi vật, thường tại tứ biên chi ngoại, thời vãng lai trung quốc, dữ nhân tạp xí”. Nghĩa là: Quỷ là động vật không khác gì người. Trong khoảng trời đất có các con quỷ thường ở bên ngoài bốn phương trời thỉnh thoảng vào trong nước ta ở lẫn lộn với người.

Như vậy quỷ là một loài động vật như loài người nhưng khác con người. Quỷ ở bên ngoài lãnh thổ nước ta (chữ “Trung Quốc” chỉ lãnh thổ nhà Đông Hán lúc Vương Sung (27-100) viết *Luận Hành*), thỉnh thoảng vào nước ta ở lẫn với con người. Quan điểm này liên quan đến *Sơn hải kinh* miêu tả các loài quỷ là những quái vật ở các miền bên ngoài trung nguyên. Quỷ không còn là vật siêu linh nữa, không còn là hồn phách của con

5. Thất khiếu gồm có tai, mắt, mũi, miệng; nhưng tính thành 2 tai, 2 mắt, 2 lỗ mũi, 1 miệng nên có 7 lỗ. Cửu khiếu là thất khiếu cộng thêm tiền âm (âm hộ) và hậu âm (hậu môn). Đó là cách nói trong y học cổ Trung Quốc. Tôi cho rằng thất khiếu chỉ nam giới, cửu khiếu chỉ nữ giới; tất nhiên cách tính đó không hoàn toàn khoa học. Mỗi khiếu có một phách làm chủ, thất khiếu thì thất phách (7 vía), cửu khiếu thì cửu phách (9 vía). NDH.

người sau khi chết mà là một loài động vật có xương có thịt. Quỷ không còn là hư thể mà đã thành thực thể. Từ đó có các loài quỷ khác nhau hoặc do thú vật, cây cối biến thành hình người như hồ li tinh chẳng hạn. Có rất nhiều chuyện truyền kì về quỷ mà đáng lưu ý nhất là các loài sơn quỷ trong *Bảo Phác Tử Nội thiên* của Cát Hồng là đối tượng trấn áp của bùa chú Đạo giáo. Có hai tác phẩm nổi tiếng và phổ biến trong nước ta: *Liêu Trai chí dị* và *Linh Nam chí quái*. *Linh Nam chí quái* thì thường dùng “Tinh” chỉ tinh linh động vật như trong chuyện Ngư tinh, Hồ tinh. Người Việt thường dùng “Quỷ” để chỉ “quỷ sứ” của Địa Ngục, còn trên trần gian thì thường dùng “Tinh”, “Yêu” và “Ma” hơn là Quỷ tuy cũng chỉ một hiện tượng tương tự Quỷ nói chung.

Nói tóm lại khái niệm Quỷ đã có một quá trình diễn biến về ngữ nghĩa và hình tượng từ hồn phách con người đến tinh linh động thực vật mang hình dáng người, có pháp thuật biến hoá làm hại con người. Trong tâm linh người Việt thì Quỷ là hình tượng tinh linh vạn vật làm hại con người, tuyệt nhiên không có bằng chứng nào nói Quỷ là linh hồn người chết. Trong người Việt thì linh hồn người chết là Hồn, và cũng dùng cả khái niệm Ma để chỉ hồn người chết. Nhưng khái niệm Ma lại rộng hơn linh hồn người chết.

#### Ma là gì?

Ma ( ㊦ ) không phải là chữ Hán vốn có. Khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc thì Māra được phiên âm thành Ma la, chữ Ma ( ㊦ ) này viết bộ Thạch ( ㊦ ) ở dưới, có nghĩa là “mài”, vì dùng đá làm bàn mài nên viết bộ Thạch, thuận

tuý phiên âm chữ Phạn không mang ngữ nghĩa thích hợp với nội hàm Māra. *Huyền ứng âm nghĩa* quyển 21 viết: “Ma, mạc hà phản. Thư vô thử tự, dịch nhân nghĩa tác”. Nghĩa là: Chữ Ma đọc “mạc , hà” theo phiên thiết thành Ma. Trong thư tịch không có chữ này, người dịch kinh theo nghĩa chữ Māra mà sáng tác ra chữ Ma này. Có tư liệu khác chỉ định người sáng tác ra chữ Ma này là Lương Võ Đế (làm vua năm 502-509), một ông vua đã từng tiếp Bồ Đề Đạt Ma. Âm “ma” trong các chữ Phạn khác như Đạt Ma đều viết chữ Ma có bộ Thủ ( ㊦ ) trong chữ Hán. Duy chỉ trường hợp Māra thì trong các bản dịch trước Lương Vũ Đế đều dùng chữ Ma bộ Quỷ. Cho nên Ma tức Māra là một khái niệm Ấn Độ được Trung Quốc hoá rồi nhập vào nước ta.

Māra là Thiên vương của đệ lục thiên của Dục giới. Dục giới (Kāmadhatu) gồm có Lục dục thiên tức 6 tầng trời:

- Tầng một, Tứ Thiên Vương Thiên (Caturmahārājakāyika) có Trì Quốc, Quảng Mục, Tăng Trưởng, Đa Văn thiên vương cai quản bốn phương trời.

- Tầng hai, Đao Lợi Thiên (Trāyastriṃsa) có 33 vị thần mà Đế Thích đứng đầu cho nên còn gọi là Tam Thập Tam Thiên.

- Tầng ba là Dạ Ma Thiên (Suyāma gọi tắt Yāma) nơi đây luôn luôn là ban ngày, các thần vui sướng.

- Tầng bốn, Đâu Suất Thiên (Tusita) nơi đây cái gì cũng đầy đủ, một ngày một đêm bằng 400 năm trần thế. Cực Lạc Quốc của A Di Đà Phật cũng ở nơi đây.

- Tầng năm, Lạc Biến Hoá Thiên (Nirmānarati) các vị thần ở nơi đây hưởng ca hát vui thú, biến hoá tự tại.

- Tầng sáu, Tha Hoá Tự Tại Thiên (Paranirmitavasavartin) là nơi các vị thần chiếm đoạt sự biến hoá của kẻ khác làm vui. Mâra (có tên Ba Tuần nên còn gọi là Ma Ba Tuần tiếng Phạn là Mārāpāpiyas có nghĩa là “tội ác”) làm chủ nơi này. Mâra thống lĩnh toàn bộ 6 tầng trời của Dục giới, địa vị cao hơn cả Đế Thích và ngay Cực Lạc Quốc vẫn chỉ đặt ở tầng trời thứ tư cách xa tầng thứ sáu những “26 ức do tuần”<sup>(6)</sup>!

Trong kinh Phật, Mâra có nghĩa là “Sát”, “Phiền não”... Nhưng đây vốn là một trong những tên của vị thần Bà La Môn là Kâma<sup>(7)</sup>. Kâma là Dục thần hay thường giải thích là thần Tình Yêu, có *Kâmasutra* (thế kỉ IV-VI Công nguyên thành văn bản cho tác giả là Vâtsyâyana). Bản thân Dục giới là dịch ý Kâmadhatu có nghĩa là thế giới của Kâma. Kâma là một vị thần trong *Rig Veda*, rồi sau tích hợp hỗn dung với nhiều vị thần khác nên mang nhiều tên gọi khác nhau mà Mâra là một. Thần da nhân cách là một đặc điểm trong thần thoại Ấn Độ. Bản thân Brahmâ và Siva cũng là như thế. Dục là sức mạnh sinh mệnh, bản năng của con người. Phật giáo cho Dục là nguyên nhân của Khổ. Mâra chính là hiện thân thần thoại của Dục. Khi Thích Ca Mâu Ni vừa ngộ dưới gốc cây bồ đề thì Mâra đã xuất hiện làm ra mưa gió, bắn cung tên uy hiếp, rồi dùng những con gái xinh đẹp quyến rũ. Nhưng Phật đã chỉ tay xuống Đất lấy Đất làm chứng, quyết tâm không bị Dục cám dỗ, ngày nay tượng Phật có Xúc Địa Ấn là từ tích này mà ra. Về phương diện lí luận, đó là sự đấu tranh giữa Phật và Dục, biểu hiện mâu thuẫn Đạo với Đời vốn là đấu

tranh nội tâm được hình tượng hoá, thần thoại hoá<sup>(8)</sup>.

Nhưng trở lại vấn đề Thần và Quỷ, Ma cũng có thể xem là một loại Quỷ theo ý nghĩa thế lực hắc ám làm hại con người. Vốn Ma không có nghĩa là hồn phách của con người khi chết như Quỷ. Thế nhưng ở nước ta lại dùng Ma không dùng Quỷ trong trường hợp này. Người chết thành Ma chứ không thành Quỷ. Quỷ là một chủng loại khác người, tinh linh vạn vật nhưng trừ người ra, thường dùng từ “quỷ sứ” để chỉ bọn ngu ngu đầu mã diện ở Địa ngục. Thuật ngữ Ma chỉ người chết nhưng không chỉ tổ tiên như Quỷ của người Trung Quốc thượng cổ (về sau người Trung Quốc dùng từ “Tổ” để chỉ tổ tiên và hình tượng hoá thành chiếc bài vị).

Sau khi khảo sát lịch sử ngữ nghĩa các khái niệm Thần / Quỷ- Ma có thể thấy sự đối lập của hai sức mạnh siêu nhiên

6. Tầng trời thứ ba là Dạ Ma Thiên là tầng thứ nhất trên không bên trên tầng thứ hai là Đạo Lợi Thiên của Đế Thích.

- Tầng thứ tư là Đâu Suất Thiên có Cực Lạc quốc cách Dạ Ma Thiên 3 ức hai vạn do tuần.

- Tầng thứ năm Lạc Biến Hoá Thiên cách Dạ Ma Thiên 16 ức 4 vạn do tuần, như vậy cách tầng thứ tư 13 ức 2 vạn do tuần.

- Tầng thứ sáu Tha Hoá Tự Tại Thiên có Mâra cách tầng thứ năm 12 ức 8 vạn do tuần, tức cách tầng thứ tư 26 ức do tuần.

Một ức là 10 vạn do tuần, đều là những số đo huyền thoại chỉ khoảng cách tương đối huyền thoại.

7. Louis Frédéric. *Dictionnaire de la civilisation indienne*. Nxb Robert Laffont. Paris 1987, từ điều Mâra, Kâma.

8. Tham khảo chung cho các tư liệu đã dẫn:

- *Trung Quốc cổ đại quỷ thần văn hoá đại quan* do Doãn Phi Chu chủ biên. Nxb Bách hoa châu văn nghệ ở Giang Tây năm 1992, tr. 89-92.

- *Trung Hoa thần bí văn hoá*. Sđd, tr. 362-372.

- *Bão Phác Tử. Nội thiên của Cát Hồng*. Nxb. Yên Sơn, Bắc Kinh 1995, tr. 252.

- *Chu Dịch. Dịch Truyện. Hệ từ thượng* (đã có bản dịch tiếng Việt).

tích cực và tiêu cực chỉ là sự nhị phân cái Thiêng dẫn đến hình thành tín ngưỡng và phát triển thành tôn giáo.

Trong tôn giáo nào cũng có Thần và Quỷ hay Ma. Trong Kitô giáo là Thiên Chúa và Quỷ Satã. Quỷ Satã cũng thách thức và cám dỗ Chúa nhằm cản trở hoạt động cứu thế của Chúa. Trong Phật giáo thì Måra là một hình tượng Satã cũng cám dỗ ngăn cản Phật thuyết pháp cứu độ chúng sinh. Chỉ có trong Đạo giáo không có tích Thần / Ma như thế mà luôn luôn là Thần trấn áp Ma Quỷ theo hệ tư tưởng Chính / Tà truyền thống tư tưởng triết học cổ Trung Hoa.

Nhưng những khái niệm Thần, Quỷ, Ma ngoại lai đó khi du nhập vào nước ta đã có một nội hàm biến dị không hoàn toàn như khi hình thành ở trong văn hoá Trung Quốc. Thần khái quát phiếm chỉ cái Thiêng tích cực. Quỷ chỉ cái Thiêng tiêu cực không xuất phát từ hồn phách con người mà là loại tinh linh vạn vật nên hay dùng khái niệm tinh như hồ li tinh, ngư tinh, mộc tinh... Ma chỉ linh hồn người chết mà không chỉ tổ tiên. Thần là cái Thiêng không xác định gồm các hiện tượng tự nhiên như Thần Sấm, Thần cây đa..., nhân thần như các vị thành hoàng. Thần là cái Thiêng vô hình biến hoá khôn lường có thể thiện có thể ác tùy thái độ con người đối xử với Thần.

Kính thì thiện, bất kính thì ác. Thần không thiện, ác; thiện hay ác không ở bản thân Thần mà ở lòng người. Thần là sự nhị phân của Tâm. Thần từ Tâm con người ra trở về với Tâm con người là một đặc điểm khá đặc biệt trong tâm linh tôn giáo nước ta. Huyền Quang (1254- 1334) đã nhận thức được điều đó khi làm bài thơ *Diên Hựu tự* có hai câu kết :

*Tham thấu thị phi bình đẳng tướng,*

*Ma cung Phật quốc hảo sinh quan.*

Nghĩa là nếu hiểu rõ Thị và Phi đều như nhau thì Ma cung hay Phật quốc cũng tốt như nhau. Hai câu đó vừa thể hiện tư tưởng Bất Nhị trong Phật giáo nhưng cũng diễn đạt được Ma và Phật vốn như nhau không có sự đối kháng tuyệt đối mà đều do Tâm con người nhận thức thành Thị/ Phi, Phật/ Ma mà thôi. Tư tưởng đó thể hiện tâm linh Việt truyền thống.

Tình cảm tôn giáo đó là cơ sở cho hiện tượng lẫn lộn chuyển hoá của nghề, đền, miếu, đình, chùa, quán trong thực tế thờ cúng nước ta. Tâm linh tôn giáo đó là lí do khiến cho người Việt Nam thờ nhiều thần, một người theo nhiều tín ngưỡng thậm chí tôn giáo khác nhau, không cuồng tín vào một Đức Tin duy nhất. Người ta gọi đó là hiện tượng "tôn giáo song song"! nhiều tôn giáo bổ sung cho nhau thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo của một người. Tuy nhiên cũng phải nói rằng hiện tượng tôn giáo song song không phải chỉ riêng người Việt Nam có, chẳng qua tính trội của nó đậm hơn so với các dân tộc khác mà thôi./.